TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2026/HS-ST
Ngày: 28/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Thế Vinh và bà Mai Thị Toán.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 121/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thanh L, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1996 tại thành phố H; tên gọi khác: L1; giới tính: Nam; số CCCD: 046096005112, cấp ngày 12/01/2022; nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện tại: 18 H, tổ B, phường T, thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973 và con bà Đào Thị Xuân L2, sinh năm 1974; gia đình có 03 anh em và bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/03/2026 cho đến nay, tại phường T, thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 2006; địa chỉ: A H, tổ B,

phường T, thành phố H, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quang V, sinh năm 1988; địa chỉ: I P, tổ C, phường T, thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 04/01/2026, khi đang ở nhà của mình tại tổ B, phường T, thành phố H, Nguyễn Thanh L, sinh năm 1996 thấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIOR, loại 02 yên, màu trắng – đen của bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 2006, trú tại tổ B, phường T, thành phố H đang để ở hiên nhà không có người trông coi. Do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Thanh L đã lén lút lấy chìa khóa để ở hộc xe phía trước mở khóa xe rồi điều khiển xe đến gặp ông Lê Quang V, sinh năm 1988, trú tại tổ C, phường T, thành phố H để cầm cố số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và L đã tiêu xài cá nhân hết. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, bà H1 đi làm về phát hiện bị mất xe máy điện nên đã đến Công an phường T trình báo.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thanh L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 16/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND phường T kết luận: 01 xe máy điện, nhãn hiệu Dior, loại 02 yên, màu sơn Trắng – Đen đã qua sử dụng có giá trị 12.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 (một) xe máy điện, nhãn hiệu DIOR, loại 02 yên, màu sơn trắng – đen đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKSKV1 ngày 06 tháng 5 năm 2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế đã truy tố Nguyễn Thanh L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/5/2026).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 19/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 2213/QĐ-VPCQCSĐT trả lại 01 (một) xe máy điện, nhãn hiệu DIOR, loại 02 yên, màu trắng đen đã qua sử dụng cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Ngọc H1; bà H1 không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng đều rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cũng như các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 04/01/2026, tại tổ B, phường T, thành phố H, Nguyễn Thanh L đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01(một) xe máy điện, nhãn hiệu Dior, loại 02 yên, màu trắng – đen của chị Nguyễn Thị Ngọc H1 trị giá 12.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Thanh L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra, cần phải xử phạt nghiêm bị cáo để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; chưa lần nào vi phạm pháp luật.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thanh L không phạm vào tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 51 và điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã phân tích ở trên, trên cơ cở khung hình phạt quy định. Xét thấy hành vi của bị cáo ít nghiêm trọng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không có tiền án, tiền sự; toàn bộ tài sản trộm cắp đã trả lại cho bị hại; bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; bị cáo có khả năng tự cải tạo được ở ngoài xã hội không gây nguy hiểm hay ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà giao cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện để bị cáo có thể tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự: "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại tài sản cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/5/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Thanh L cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Phòng HSNV Công an TP. Huế;
- CQCSĐT Công an thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- UBND phường Thanh Thủy, thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA; Lưu bộ phận.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng